

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HS-ST

Ngày: 03 - 03 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Xuân Thường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lệ
2. Bà Ngô Thị Chiến

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 197/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Trọng C tên gọi khác: Không, sinh năm 1990, tại tỉnh Thanh Hóa; hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở: Ấp C, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Trọng D, sinh năm 1971 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1972; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị D1 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/03/2021.

2. Nguyễn Hữu L, tên gọi khác: Không, sinh năm 1993, tại tỉnh Thanh Hóa; hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: Tổ A, khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1958; bị cáo có vợ là Hoàng Thị H1 và có 01 người con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/03/2021.

3. Nguyễn Khắc T, tên gọi khác: Không, sinh năm 1989, tại tỉnh Thanh Hóa; hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: B13, đường D tổ A, khu dân cư T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Khắc Q1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1961; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị C1 và có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/03/2021.

4. Nguyễn Đắc T1, tên gọi khác: Không, sinh năm 1994, tại tỉnh Thanh Hóa; hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở: Phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đắc T2, sinh năm 1962 và bà Phạm Thị V, sinh năm 1963; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/03/2021.

5. Hoàng Đức T3, tên gọi khác: Không, sinh năm 1984, tại tỉnh Thanh Hóa; hộ khẩu thường trú: Thôn E, xã T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: Tổ I, ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đức K, sinh năm 1954 và bà Hoàng Thị V1, sinh năm 1958; bị cáo có vợ là Đặng Thị A và có 02 người con sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/03/2021.

6. Phạm Xuân X, tên gọi khác: Không, sinh năm 1990, tại tỉnh Thanh Hóa; hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: Số A P, tổ I, khu phố G, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân C2, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967; bị cáo có vợ là Võ Thị Mỹ C3 và có 03 người con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 09/7/2020, bị Công an huyện Đ, tỉnh Long An xử phạt 1.5 triệu đồng về hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác theo quyết định xử phạt hành chính số 06/QĐ ngày 09/7/2020.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/03/2021.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Xuân X: Bà Vũ Thị Kim Á, Luật sư thuộc Công ty L3 Luật

Địa chỉ: Số F, đường Đ, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bị hại: Công ty TNHH P1; địa chỉ: Lô S, Khu Công nghiệp P, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện theo pháp luật: đốc YOON CHANG WOO" YunHoon – Tổng giám đốc Công ty TNHH P1.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị Trường A1, sinh năm 1979 – Giám đốc hành chính Công ty P1 - Việt Nam.

Địa chỉ: Lô B đường N, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH C4

Địa chỉ: Số A đường T, ấp C, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Trọng C - Chức vụ: Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 07/01/2021, Công ty TNHH P1 (Công ty P1) do ông Hoàng Anh T4 (giám đốc Hậu cần) làm đại diện cùng Hoàng Trọng C, Giám đốc Công ty TNHH C4 ký hợp đồng số PV-CTC202101.01 và Phụ lục hợp đồng số PV-CTC202101.01 mua bán hàng hóa là thép biên cán nguội dạng que và các loại thép thứ phẩm SH, khối lượng xác định trên bàn cân điện tử tại Nhà máy bên bán, giá bán là giá bình quân thị trường + 300.000 đồng/tấn, thời hạn từ 07/01/2021 đến 31/03/2021. Thấy việc kiểm tra hàng hóa, phương tiện, cân tải trọng của Công ty P1 không chặt chẽ nên C nảy sinh ý định chiếm đoạt hàng hóa của Công ty P1 bằng cách: C thuê 5 xe ô tô tải rồi tự ý lắp đặt thêm các bồn chứa nước vào gầm xe, đổ đầy nước vào bồn chứa làm tăng trọng lượng khi cân xác xe để vào nhận hàng; quá trình nhận hàng, lái xe sẽ xả hết nước trong bồn chứa ra rồi cho xe đến bàn cân để cân lại và tính toán trọng lượng hàng hóa đầu ra. Như vậy, với phương thức này, trọng lượng trong bồn chứa xả ra cũng chính là trọng lượng hàng hóa của P bị C chiếm đoạt. Để thực hiện hành vi chiếm đoạt nói trên, C đã rủ Nguyễn Hữu L, Nguyễn Khắc T, Nguyễn Đắc T1, Hoàng Đức T3, Phạm Xuân X là những người lái xe thuê cho C để hướng dẫn cách thức chiếm đoạt hàng hóa của Công ty P1 như đã nêu trên. Khi được C rủ thì L, T, T1, T3, X đồng ý. Sáng ngày 12/01/2021, C điều động L điều khiển xe ô tô 60C-168.87, T điều khiển xe ô tô 61C-061.91, T1 điều khiển xe ô tô 36C-135.39, T3 điều khiển xe ô tô 51C-591.27, X điều khiển xe ô tô 37C-139.08 đến Công ty P1 để nhận Thép thứ phẩm SH. Cả 5 xe chứa đầy các bồn nước đã làm xong thủ tục cân xác xe để vào nhận hàng. Sau đó, L, T, T1, T3 đã thực hiện trót lọt việc xả nước, nhận hàng đang chờ Cân để tính toán tải trọng hàng hóa để ra công; còn X khi đang xả nước để vào khu vực nhận hàng thì bị lực lượng an ninh của Công ty P1 phát hiện trình báo Công an Quận công nghiệp T đến làm việc, thu giữ cả 5 xe ô tô và chuyển các đối tượng, phương tiện đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P điều tra theo quy định (BL 137-326).

Quá trình điều tra đã phối hợp cùng Công ty P1 kiểm tra và giao hàng trả cho bị hại, thu thập dữ liệu các phiếu cân hàng (W) và cân đối chứng trọng lượng nước

chứa trong bồn đối với cả 5 xe ô tô để tính toán trọng lượng sắt bị chiếm đoạt. Kết quả như sau:

Xe ô tô biển số 60C-168.87: Trọng lượng không tải khi bồn đầy nước (kg) là 14.980, trọng lượng không tải khi bồn xả hết nước (kg) là 9.700, chênh lệch (kg): - 5.280 (đã lên hàng).

Xe ô tô biển số 61C-016.91: Trọng lượng không tải khi bồn đầy nước (kg) là 13.860, trọng lượng không tải khi bồn xả hết nước (kg) là 8.740, chênh lệch (kg): - 5.120 (đã lên hàng).

Xe ô tô biển số 51C-591.27: Trọng lượng không tải khi bồn đầy nước (kg) là 14.400, trọng lượng không tải khi bồn xả hết nước (kg) là 9.960, chênh lệch (kg): - 4.440 (đã lên hàng).

Xe ô tô biển số 36C-135.39: Trọng lượng không tải khi bồn đầy nước (kg) là 13.300, trọng lượng không tải khi bồn xả hết nước (kg) là 9.240, chênh lệch (kg): - 4.060 (đã lên hàng).

Xe ô tô biển số 37C-139.08: Trọng lượng không tải khi bồn đầy nước (kg) là 16.560, trọng lượng không tải khi bồn xả hết nước (kg) là 13.400, chênh lệch (kg): - 3.160 (chưa lên hàng).

Tổng trọng lượng không tải khi bồn đầy nước (kg) là 73.100, trọng lượng không tải khi bồn xả hết nước (kg) là 51.040, chênh lệch (kg): -22.060.

Do xe 37C-139.08 chưa lên hàng thì bị phát hiện nên trọng lượng thép đã bị chiếm đoạt của Công ty P1 chỉ xác định trên 4 chiếc xe đã lên hàng đang chờ trạm cân ra công là $22.060 \text{ kg} - 3.160 \text{ kg} = 18.900 \text{ kg}$ (BL 291-301).

Theo Kết luận số 26/KL-HĐĐG-TTHS ngày 02/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định: Tại thời điểm ngày 12/01/2021, trị giá 18.900 kg thép thứ phẩm SH là 155.688.759 đồng (BL 53-55).

Quá trình điều tra, Hoàng Trọng C, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Khắc T, Nguyễn Đắc T1, Hoàng Đức T3, Phạm Xuân X đã khai nhận hành vi của bản thân và các đồng phạm, thừa nhận kết quả điều tra và kết luận định giá tài sản. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau về phương thức, thủ đoạn chiếm đoạt thép của Công ty P1, phù hợp với kết quả khám nghiệm phương tiện và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được (BL 137-326).

Về xử lý vật chứng:

Đối với xe ô tô biển số 61C-016.91, quá trình điều tra xác định của anh Đoàn Duy H2 cho C thuê với giá 15 triệu đồng/tháng mà không biết C dùng để phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H2 theo Quyết định xử lý vật chứng số 96/QĐ ngày 25/10/2021 (BL 56, 77-94).

Đối với xe ô tô biển số 51C-591.27, quá trình điều tra xác định của anh Hoàng Văn H3, cho C thuê với giá 10 triệu đồng/tháng mà không biết C dùng để phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H3 theo Quyết định xử lý vật chứng số 96/QĐ ngày 25/10/2021 (BL 56, 77-104).

Đối với 2 xe ô tô biển số 37C-139.08 và 36C-135.39, quá trình điều tra xác định của anh Nguyễn Văn S cho C thuê với giá 5 triệu đồng/tháng/xe mà không biết C dùng để phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh S theo Quyết định xử lý vật chứng số 96/QĐ ngày 25/10/2021 (BL 56, 105-121).

Đối với xe ô tô biển số 60C-168.87, quá trình điều tra xác định của anh Hoàng Đức Đ, cho C thuê với giá 5 triệu đồng/tháng mà không biết C dùng để phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Đ theo Quyết định xử lý vật chứng số 96/QĐ ngày 25/10/2021 (BL 56, 122-134).

Về trách nhiệm dân sự: Do tài sản đã được thu hồi nên hậu quả vật chất chưa xảy ra, Công ty P1 không có yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Trên cơ sở việc hỏi và tranh luận giữa những người tham gia tố tụng được diễn ra công khai, dân chủ và không bị hạn chế.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện quyền công tố trình bày lời luận tội đã phân tích, đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi các bị cáo gây ra; phân tích nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và Quyết định thay đổi tội danh đã truy tố đối với Hoàng Trọng C, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Khắc T, Nguyễn Đắc T1, Hoàng Đức T3, Phạm Xuân X theo Cáo trạng số 217/CT – VKSPM ngày 21/12/2021, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Trọng C, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Khắc T, Nguyễn Đắc T1, Hoàng Đức T3, Phạm Xuân X phạm tội “Lừa dối khách hàng” quy định tại điểm a khoản 2 điều 198 Bộ luật hình sự.

- Về trách nhiệm hình sự:

+ Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 198; điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật Hình sự. Đề nghị phạt bị cáo Hoàng Trọng C từ 150.000.000đ đến 200.000.000đ.

+ Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 198; điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật Hình sự. Đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Hữu L, Nguyễn Khắc T, Nguyễn Đắc T1, Hoàng Đức T3, Phạm Xuân X mỗi bị cáo từ 100.000.000đ đến 150.000.000đ

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo X phát biểu quan điểm bào chữa được tóm tắt như sau:

Đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát công bố tại phiên tòa, trong vụ án này, bị cáo X có nhiều tình tiết giảm nhẹ, gia đình hoàn cảnh khó khăn, chứng cứ buộc tội trong vụ án đối với bị cáo X yếu nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo bị phạt tiền ở mức thấp nhất theo khung hình phạt.

Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố trước phần bào chữa của Luật sư.

Tại phiên tòa các bị cáo Hoàng Trọng C, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Khắc T, Nguyễn Đắc T1, Hoàng Đức T3, Phạm Xuân X khai nhận hành vi phạm tội như đã truy tố, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh, không oan.

Các bị cáo nói lời sau cùng mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố đã thay đổi tội danh truy tố đối với các bị cáo theo Cáo trạng số 217/CT – VKSPM ngày 21/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu từ tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, c Khoản 2 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự thành tội: “Lừa dối khách hàng” theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 198 của Bộ Luật Hình sự là có căn cứ và đúng với quy định tại Điều 319 của Bộ Luật tố tụng Hình sự.

Đồng thời, căn cứ quy định tại Điều 298 của Bộ Luật tố tụng Hình sự về “Giới hạn của việc xét xử” thì việc xét xử các bị cáo Hoàng Trọng C, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Khắc T, Nguyễn Đắc T1, Hoàng Đức T3, Phạm Xuân X về tội: “Lừa dối khách hàng” theo điểm a Khoản 2 Điều 198 của Bộ luật Hình sự nhẹ hơn xét xử theo điểm a, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, đây là tình tiết có lợi cho các bị cáo.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo:

[2.1] Về tội danh:

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 12/01/2021, tại Công ty TNHH P1 ở KCN P, thị xã P, trong quá trình giao nhận thép theo Hợp đồng mua bán số PV-CTC202101.01 và Phụ lục Hợp đồng số PV-CTC202101.01 ngày 07/01/2021 giữa Công ty TNHH C4 với Công ty TNHH P1, Hoàng Trọng C cùng Nguyễn Hữu L, Nguyễn Khắc T, Nguyễn Đắc T1, Hoàng Đức T3, Phạm Xuân X đã dùng thủ đoạn gian dối nhằm tạo ra sai lệch trong việc tính toán trọng lượng khi cân hàng hóa để chiếm đoạt 18.900 kg thép thứ phẩm SH

của Công ty TNHH P1, giá trị tài sản bị chiếm đoạt trị giá 155.688.759đ (Một trăm năm mươi lăm triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi chín đồng).

Do đó, hành vi mà các bị cáo thực hiện trong vụ án này đã cấu thành tội: “Lừa dối khách hàng” theo Điều 198 Bộ luật hình sự.

Về khung hình phạt: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có sự cấu kết chặt chẽ, phân công vai trò, nhiệm vụ với nhau nên thuộc trường hợp “Phạm tội có tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 198 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân:

tiết tăng nặng: Không có.

tiết giảm nhẹ: Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là chưa đạt, hậu quả vật chất chưa xảy ra nên chưa gây thiệt hại. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo là lao động chính trong gia đình nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách hình sự quy định tại điểm h, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3.3] Về nhân thân: Các bị cáo Hoàng Trọng C, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Khắc T, Nguyễn Đắc T1, Hoàng Đức T3 có nhân thân tốt.

[4] Về đồng phạm: Qua đánh giá tính chất hành vi, phương thức, thủ đoạn và vai trò của từng bị cáo trong vụ án, cho thấy các bị cáo có sự chuẩn bị, cấu kết chặt chẽ, thống nhất với nhau trong ý chí và trong hành động nên thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Bộ luật hình sự. Trong đó, bị cáo C giữ vai trò là người chủ mưu, đứng đầu chỉ huy; các bị cáo L, T, T1, T3, X là đồng phạm giữ vai trò là người thực hành.

[5] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của pháp nhân được pháp luật bảo vệ và trật tự quản lý kinh tế. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, các bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 51 nên cần áp dụng Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự khi lượng hình. Các bị cáo có nghề nghiệp ổn định, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền làm hình phạt chính đối với các bị cáo cũng đủ sức răn đe đối với hành vi trái pháp luật của các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Bị cáo Hoàng Trọng C là người tổ chức do đó cần áp dụng mức hình phạt cao hơn các bị cáo L, T, T1, T3, X mới phù hợp với tính chất, mức độ do hành vi bị cáo gây ra.

Đối với bị cáo Phạm Xuân X tuy có 01 tiền sự về hành vi: “Chiếm đoạt tài sản của người khác”, nhưng trong vụ án này, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo X chưa chất hàng lên xe ô tô, chưa trực tiếp chiếm đoạt tài sản của bị hại nên mức hình phạt đối với bị cáo bằng với mức hình phạt của các bị cáo Nguyễn Hữu L, Nguyễn

Khắc T, Nguyễn Đắc T1, Hoàng Đức T3 là phù hợp với tính chất, mức độ do hành vi của các bị cáo gây ra.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Công ty TNHH P1 không yêu cầu bồi thường. Nên không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

Xét các ông Hoàng Đức Đ, Đoàn Duy H2, Hoàng Văn H3, Nguyễn Văn S khi cho các bị cáo thuê xe tải, không biết các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, do đó Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Hoàng Đức Đ xe ô tô biển kiểm soát 60C-168.87, ông Đoàn Duy H2 xe ô tô biển kiểm soát 61C-016.91, ông Hoàng Văn H3 xe ô tô biển kiểm soát 51C-591.27, ông Nguyễn Văn S xe ô tô biển kiểm soát 37C-139.08 và ô tô biển kiểm soát 36C-135.39 là chủ sở hữu hợp pháp của các xe ô tô nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Các bị cáo Hoàng Trọng C, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Khắc T, Nguyễn Đắc T1, Hoàng Đức T3, Phạm Xuân X phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Những vấn đề khác: Xét trong vụ án này, bị cáo Hoàng Trọng C tuy là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH C4 nhưng hành vi phạm tội nhằm chiếm đoạt tài sản là 18.900 kg thép thứ phẩm SH của Công ty TNHH P1 để thu lợi bất chính cho cá nhân bị cáo C, không liên quan đến Công ty TNHH C4. Do đó, không xem xét trách nhiệm của Công ty TNHH C4 trong vụ án này là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Trọng C, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Khắc T, Nguyễn Đắc T1, Hoàng Đức T3, Phạm Xuân X phạm tội “Lừa dối khách hàng”;

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 198, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 17 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Hoàng Trọng C số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

2. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 198, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 17 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

3. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 198, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 17 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Khắc T số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

4. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 198, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 17 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đắc T1 số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

5. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 198, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 17 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Hoàng Đức T3 số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

6. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 198, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 17 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Phạm Xuân X số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

7. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

8. Về vật chứng: Đã xử lý xong.

9. Án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Các bị cáo Hoàng Trọng C, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Khắc T, Nguyễn Đắc T1, Hoàng Đức T3, Phạm Xuân X mỗi người phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

10. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật đề yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Công an thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Xuân Thường

